TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:69/2025/LĐ – ST
Ngày: 26-9-2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng lao động"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thu Yến - Nguyên phó Trưởng Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Thuận An (cũ);

2. Ông Lê Văn Công;

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Thái Vương Triều là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Phương Uyên - Kiểm sát viên.

Vào ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án lao động thụ lý số 116/2025/TLST-LĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng lao động", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2025/QĐXXST-LĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Lại Thị T, sinh năm 1991; nơi thường trú: Ấp C, thị trấn B, huyện C, tỉnh Hậu Giang (nay là xã T, Thành phố Cần Thơ) có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:*

Công ty TNHH M (Việt Nam); địa chỉ: khu S, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt.

Công ty TNHH H (nay là Công ty TNHH T3); địa chỉ: Đường Đ, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Đặng Thị Bé T1, sinh năm 1996; nơi thường trú: ấp T, xã T, huyện T, Thành phố Cần Thơ (nay là xã T, Thành phố Cần Thơ), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bà Thị T2, sinh năm 1992; nơi thường trú: ấp C, thị trấn B, huyện C, tỉnh Hậu Giang (nay là xã T, Thành phố Cần Thơ), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu thuộc Bảo hiểm xã hội Thành phố H); địa chỉ: Đường N, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn Bà Lại Thị T trình bày:

Do nhu cầu rút bảo hiểm một lần nên bà Lại Thị T có liên hệ với Bảo hiểm xã hội để rút bảo hiểm theo quy định thì được thông báo từ tháng 6/2010 đến tháng 9/2010 bà T có ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH M (Việt Nam), từ tháng 9/2010 đến tháng 11/2010 bà T còn có ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH H (nay là Công ty TNHH T3) và cả hai công ty trên đều thực hiện đóng bảo hiểm xã hội cho bà. Tuy nhiên, trên thực tế trong hai khoảng thời gian trên thì bà T đang làm việc tại công ty TNHH T4 và cũng tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty trên. Do đó, bà bị trùng hai khoảng thời gian tham gia bảo hiểm xã hội là từ tháng 6/2010 đến tháng 9/2010 và từ tháng 9/2010 đến tháng 11/2010. Vì vậy, việc rút bảo hiểm không thể thực hiện được, bà T cho biết vào thời gian 6/2010 đến tháng 9/2010 bà T có cho Bà Đặng Thị B Thùy mượn hồ sơ cá nhân của bà để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH M (Việt Nam) với tên của bà (Lại Thị T) và tham gia bảo hiểm xã hội nhưng trên thực tế Bà Đặng Thị Bé T1 là người trực tiếp làm việc tại công ty và được công ty T5 với mã số 7410175578. Ngoài ra, khoảng thời gian tháng 9/2010 đến tháng 11/2010 bà T có cho bà Thị T2 mượn hồ sơ cá nhân để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH H (nay là Công ty TNHH T3) với tên của bà (Lại Thị T) và tham gia bảo hiểm xã hội với mã số 7410268517. Nhận thấy việc Bà Đặng Thị Bé T1 và bà Thị T2 mượn hồ sơ cá nhân bà để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH M (Việt Nam) và Công ty TNHH H (nay là Công ty TNHH T3) là sai quy định, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Tuyên hợp đồng lao động giữa người lao động có tên Lại Thị T (do Bà Đặng Thị Bé T1 là người ký kết) với người sử dụng lao động Công ty TNHH M (Việt Nam) từ tháng 6/2010 đến tháng 9/2010 là vô hiệu.

Tuyên hợp đồng lao động giữa người lao động có tên Lại Thị T (do bà Thị T2 là người ký kết) với người sử dụng lao động Công ty TNHH H (nay là Công ty TNHH T3) từ tháng 9/2010 đến tháng 11/2010 là vô hiệu.

Bà Lại Thị T không có yêu cầu Tòa án giải quyết gì về hậu quả của hợp đồng vô hiệu và tự nguyện chịu mọi chi phí tố tụng đồng thời có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Quá trình tố tụng bị đơn Công ty TNHH M (Việt Nam) và Công ty TNHH H (nay là Công ty TNHH T3) đã được Tòa án thông báo và tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng đại diện các Công ty không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa.

Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Đặng Thị Bé T1 trình bày:

Bà và bà Lại Thị T có mối quan hệ là chị em họ. Vào thời điểm tháng 6 năm 2010, do chưa đủ tuổi lao động nên Bà Đặng Thị Bé T1 có mượn hồ sơ cá nhân của bà Lại Thị T để xin việc tại Công ty TNHH M (Việt Nam). Trên thực tế bà T1 là người trực tiếp làm việc tại Công ty TNHH M (Việt Nam) từ tháng 6/2010 đến tháng 9/2010 thì nghỉ việc. Nay bà T yêu cầu tuyên hợp đồng lao động giữa bà Lại Thị T (do Bà Đặng Thị Bé T1 là người ký kết) với người sử dụng lao động Công ty TNHH M (Việt Nam) từ tháng 6/2010 đến tháng 9/2010 là vô hiệu thì bà T1 đồng ý. Bà không có yêu cầu gì liên quan đến hợp đồng lao động trên, đồng thời có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thị T2 trình bày:

Bà và bà Lại Thị T có mối quan hệ là chị em họ. Vào thời điểm tháng 9 năm 2010, do chưa đủ tuổi lao động nên bà Thị T2 có mượn hồ sơ cá nhân của bà Lại Thị T để xin việc tại Công ty TNHH H (nay là Công ty TNHH T3). Trên thực tế bà T2 là người trực tiếp làm việc tại Công ty TNHH H (nay là Công ty TNHH T3) từ tháng 9/2010 đến tháng 11/2010 thì nghỉ việc. Nay bà T yêu cầu tuyên hợp đồng lao động giữa bà Lại Thị T (do bà Thị T2 là người ký kết) với người sử dụng lao động Công ty TNHH H (nay là Công ty TNHH T3) từ tháng 9/2010 đến tháng 11/2010 là vô hiệu thì bà T2 đồng ý. Bà không có yêu cầu gì liên quan đến hợp đồng lao động trên, đồng thời có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và có ý kiến trình bày như sau:

Từ tháng 10/2009 đến tháng 3/2011 bà Lại Thị T tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH T4 với số sổ là **7409100133.** Từ tháng 9/2010 đến tháng 11/2010 bà T có tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH H (nay là Công ty TNHH T3) với mã số bảo hiểm xã hội là **7410268517.** Từ tháng 6/2010 đến tháng 9/2010, bà T tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH M (Việt Nam) với mã số bảo hiểm xã hội là **7410175578**. Từ tháng 5/2011 đến tháng 5/2014 bà T tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH M (Việt Nam); từ tháng 6/2017 bà T tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH M1; Từ tháng 9/2018 đến tháng 5/2022 bà T tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH C và từ tháng 6/2022 đến tháng 6/2023 bà T tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH C1 với cùng mã số bảo hiểm xã hội **7411162504.** Trong quá trình làm việc các Công ty đều có tham gia Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động - Bệnh nghề nghiệp cho bà Lại Thị T, sinh ngày 25/6/1991, số căn cước công dân 093191009680. Các công ty bà T tham gia đều đã được bảo hiểm xã hội xác nhận chốt sổ.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bảo hiểm xã hội thành phố T (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu thuộc Bảo hiểm xã hội Thành phố H) đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ Điều 15, 16, 49 và 51 Bộ luật Lao động năm 2019; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng lao động.

Về kiến nghị khắc phục: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp:

Bà Lại Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng lao động giữa người lao động có tên Lại Thị T (do Bà Đặng Thị Bé T1 là người ký kết) với người sử dụng lao động Công ty TNHH M (Việt Nam) từ tháng 6/2010 đến tháng 9/2010 và hợp đồng lao động được ký kết giữa người lao động có tên Lại Thị T (do bà Thị T2 là người ký kết) với người sử dụng lao động Công ty TNHH H (nay là Công ty TNHH T3) từ tháng 9/2010 đến tháng 11/2010 là vô hiệu. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng lao động" được quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty TNHH M (Việt Nam) địa chỉ: Khu S, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) và Công ty TNHH H (nay là Công ty TNHH T3) địa chỉ: Đường Đ, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án thông báo và tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Việc vắng mặt của bị đơn trong quá trình tố tụng được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Bà T, bà T1, bà T2 và Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[4] Về nội dung có yêu cầu: Bà Đặng Thị Bé T1 sử dụng hồ sơ xin việc mang tên bà Lại Thị T để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH M (Việt Nam) từ tháng 6/2010 đến tháng 9/2010, được công ty tham gia BHXH thể hiện tại sổ bảo hiểm xã hội số số: **7410175578** cho bà Lại Thị T và bà Lại Thị T còn cho bà Thị T2 mượn hồ sơ của bà để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH H (nay là

Công ty TNHH T3) từ tháng 9/2010 đến tháng 11/2010, được công ty tham gia BHXH thể hiện tại sổ bảo hiểm xã hội số: **7410268517** cho bà Lại Thị T.

Cùng thời điểm từ tháng 6/2010 đến tháng 11/2010 bà Lại Thị T đang tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH T4 với số sổ là **7409100133.**

Qua tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thông tin bảo hiểm xã hội cung cấp, có cơ sở xác định: Việc bà T1 sử dụng thông tin hồ sơ xin việc của bà T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH M (Việt Nam) và bà T2 sử dụng thông tin hồ sơ xin việc của bà T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH H (nay là Công ty TNHH T3) là không đúng chủ thể xác lập hợp đồng, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động được quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994 (Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019). Căn cứ Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005 (Điều 127 Bộ luật dân sự năm 2015), yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa người lao động có tên Lại Thị T và Công ty TNHH M (Việt Nam) từ tháng 6/2010 đến tháng 9/2010; hợp đồng lao động giữa người lao động có tên Lại Thị T và Công ty TNHH H (nay là Công ty TNHH T3) từ tháng 9/2010 đến tháng 11/2010 là có cơ sở chấp nhận. Do hợp đồng lao động vô hiệu nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tại thời điểm giao kết hợp đồng.

[4.1] Nguyên đơn chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, ngoài ra không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, từ chối nhận các quyền lợi có liên quan đến việc tham gia BHXH tại Công ty TNHH M (Việt Nam) và Công ty TNHH H (nay là Công ty TNHH T3). Đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Tòa án không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Bị đơn không có yêu cầu phản tố. Trường hợp có phát sinh tranh chấp liên quan đến việc giải quyết hậu quả hợp đồng lao động vô hiệu thì được quyền yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác. Sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

[6] Án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 5, 32, 35, 39, 147, 228, 238, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 127 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Các Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 50 và Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lại Thị T về việc "Tranh chấp hợp đồng lao động" đối với Công ty TNHH M (Việt Nam) và Công ty TNHH H (nay là Công ty TNHH T3):

- Tuyên hợp đồng lao động giữa bà Lại Thị T *(do Bà Đặng Thị Bé T1 ký kết)* với Công ty TNHH M (Việt Nam), thời gian làm việc từ tháng 6/2010 đến tháng 9/2010 bị vô hiệu toàn bộ.

- Tuyên hợp đồng lao động giữa bà Lại Thị T (*do bà Thị T2 ký kết)* với Công ty TNHH H (nay là Công ty TNHH T3), thời gian làm việc từ tháng 9/2010 đến tháng 11/2010 bị vô hiệu toàn bộ.

- Xác định người lao động tại mã số bảo hiểm xã hội 7410268517 và 7410175578 không phải là bà Lại Thị T, sinh ngày 25/6/1991, số chứng minh nhân dân 363716350; căn cước công dân số 093191009680.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí lao động sơ thẩm:

Bà Lại Thị T tự nguyện chịu 600.000 đồng, được khấu trừ toàn bộ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000895 ngày 07/3/2025 và số 0001453 ngày 06/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh).

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 16 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV 16 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Thu Thảo